

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 06 - 2022

V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Liên và bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Doãn Thị Luyến – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 06 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 17/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 06 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Chu Thị L, sinh năm 1995. Địa chỉ: tiểu khu 2, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Lê Đình P, sinh năm 1987. Địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Hiện đang chấp hành án tại: đội 14, phân trại số 1, Trại giam số 5, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Chu Thị L trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Lê Đình P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 12/05/2016, tại UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, anh P thường chơi bời, không quan tâm đến gia đình. Năm 2017, anh P bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 năm tù về tội “Giết người” và đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 5 tại huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Trong thời gian anh P đi chấp hành án, chị vẫn ở nhà chồng nhưng không có sự quan tâm của bố mẹ chồng nên khoảng tháng 05 năm 2017, chị đã bế con về nhà bố mẹ đẻ. Chị cũng chưa một

lần nào đến trại giam để thăm anh P. Thời gian anh P đi chấp hành án đã lâu nên chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: chị và anh Lê Đình P có một con chung tên là Lê Gia H, sinh ngày 09/12/2016. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh P đang phải chấp hành án.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 27/02/2022 có xác nhận của Trại giam số 5, anh Lê Đình P trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Chu Thị L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 13/05/2016, tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến ngày 08/03/2017 thì anh bị bắt về tội “Cố ý gây thương tích”, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 năm tù và đang chấp hành án tại Trại giam số 5. Từ khi anh đi chấp hành án, chị L và con ở với bố mẹ anh nhưng không hợp tình cảm và xảy ra mâu thuẫn nên tháng 05 năm 2017, chị L đã bế con về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay. Trong thời gian anh đi chấp hành án thì chị L không quan tâm nên tình cảm cũng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị L được ly hôn.

Về con chung: anh và chị Chu Thị L có một con chung tên là Lê Gia H, sinh ngày 09/12/2016, anh có quyền nuôi dưỡng cháu H, bản thân anh đang chấp hành án nên không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con. Sau khi chấp hành án xong, anh có nguyện vọng được đón cháu H về nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về tài sản chung: anh và chị Chu Thị L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Chu Thị L và giao cháu Lê Gia H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh Lê Đình P phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: chị Chu Thị L đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Anh Lê Đình P đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy,

Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L và anh P là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: chị Chu Thị L và anh Lê Đình P đều thừa nhận anh, chị tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 12/05/2016 tại UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Mặt khác, chị L cũng xuất trình cho Tòa án một Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp đề ngày 12/05/2016, trong đó xác định chị L và anh P là vợ chồng. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị L và anh P là hợp pháp.

Chị L khai, sau khi kết hôn đến năm 2017, anh P phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 5, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa, trong thời gian chấp hành án đến nay, chị L chưa một lần đến thăm anh P và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu giải quyết được ly hôn anh P. Mặt khác, anh P cũng thừa nhận, sau khi kết hôn đến năm 2017, anh phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 5, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa, trong thời gian chấp hành án, chị L không quan tâm nên xác định tình cảm vợ chồng cũng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị L được ly hôn. Như vậy, chị L và anh P đều thừa nhận một thời gian dài, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nên đã vi phạm đến tình nghĩa vợ chồng được quy định tại khoản 1 Điều 19 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định giữa chị L và anh P đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị L được ly hôn anh P là phù hợp.

[3]. Về con chung: chị Chu Thị L và anh Lê Đình P đều thừa nhận vợ chồng có một con chung tên là Lê Gia H, sinh ngày 09/12/2016. Chị L và anh P đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, xét nguyện vọng nuôi con của chị L và anh P đều chính đáng, tuy nhiên chị L và anh P đều thừa nhận hiện nay cháu H đang ở với chị L, mặt khác anh P đang phải chấp hành án phạt tù, không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu H nên giao cháu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Chị L không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh P đang phải chấp hành án hình phạt tù, mặt khác anh P cũng thừa nhận anh không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con do đang phải chấp hành án phạt tù. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của chị L nên được ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung: chị Chu Thị L và anh Lê Đình P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: chị Chu Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Chu Thị L và anh Lê Đình P.

2. Về con chung: chị Chu Thị L và anh Lê Đình P thừa nhận vợ chồng có một con chung, cháu tên là Lê Gia H, sinh ngày 09/12/2016. Giao cháu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh P không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị L.

3. Về án phí: chị Chu Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004258 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: chị Chu Thị L và anh Lê Đình P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Văn Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Bộ

Nguyễn Thị Hương

Đào Văn Nam

